

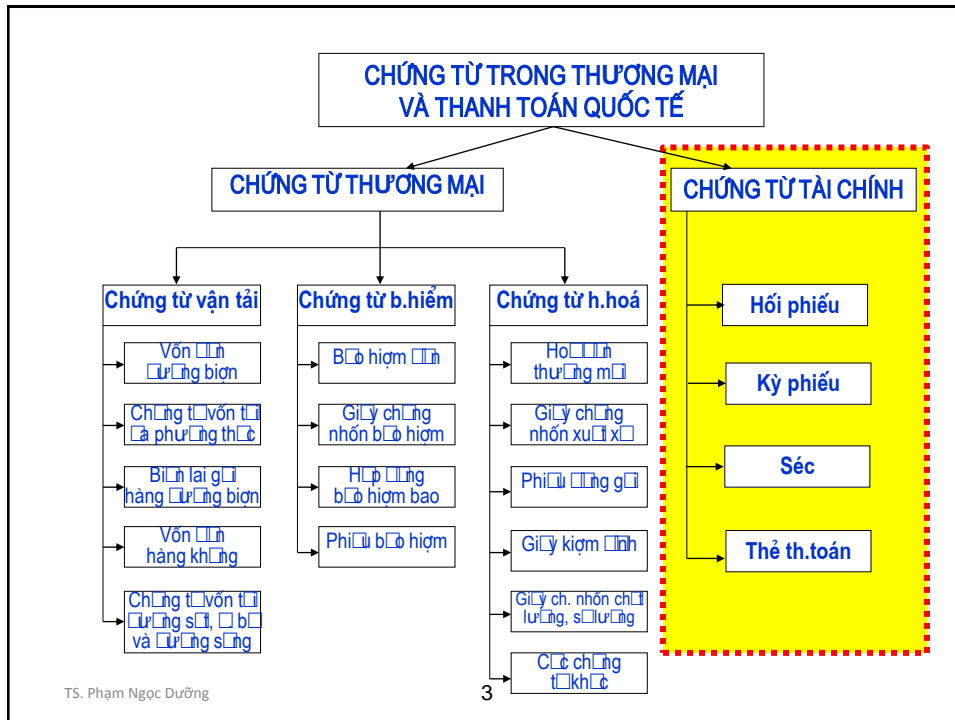
THANH TOÁN QUỐC TẾ

Phạm Ngọc Dưỡng
PhD, MBA, BE, BA

TS. Phạm Ngọc Dưỡng

1

**KỸ THUẬT KIỂM TRA
BỘ CHỨNG TỪ
VÀ PHÒNG TRÁNH BẤT
ĐỒNG BCT**



6. Điều khoản về thanh toán (PAYMENT) (trích từ Sales Contract)

- a. **Đồng tiền thanh toán (CURRENCY OF PAYMENT)**
- b. **Thời hạn thanh toán (TIME OF PAYMENT)**
- c. **Phương thức thanh toán (METHODS OF PAYMENT)**
- d. **Bộ chứng từ thanh toán (DOCUMENTS)
(C/I, B/L, P/L, C/O, C/S, C/In...)**



EX:

CURRENCY OF PAYMENT: US Dollar/EURO/AUD

PAYMENT (METHODS and TIME) :

By irrevocable letter of credit with 120 days usance from B/L the full amount of the contract value.

- **L/C beneficiary: N. company.**
- **L/C advising bank: Shinhan bank, Seoul, Korea.**
- **Bank of opening L/C Vietcombank.**
- **Time of opening L/C: not latter than Oct.15, 2005.**

DOCUMENT REQUIRED



Pham Ngoc Duong, PhD

➤ **Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice – Inv.):**

Là ch.từ do NB lập, ghi đặc điểm HH, đơn giá, số lượng trọng lượng, tổng trị giá HH (và phương thức thanh toán). Inv. là chứng từ để NB đòi tiền NM theo tổng số tiền ghi trên đó.

➤ **Vận đơn đường biển (Bill of lading – B/L):**

❖ *Nếu xét về khía cạnh pháp lý:*

- + Vận đơn **đích danh** (Straight B/L)
- + Vận đơn **theo lệnh** (To order B/L)
- + Vận đơn **xuất trình** (To bearer B/L)
- + Vận đơn **giao nộp** (Surrendered B/L)

❖ *Nếu căn cứ vào cách phê chú:*

- + Vận đơn **hoàn hảo** (Clean B/L)
- + Vận đơn **không hoàn hảo** (Unclean B/L)

❖ *Nếu căn cứ vào thời gian cấp vận đơn:*

- + Vận đơn **đã xếp hàng** (Shipped on board B/L)
- + Vận đơn **nhận hàng để xếp** (Received for shipment B/L)

6

➤ **Certificate of Origin – C/O:**

Là chứng từ do cơ quan có thẩm quyền cấp để xác nhận **nơi sx hoặc khai thác** ra hàng hóa.

Vai trò của C/O:

- + Xác nhận **nguồn gốc, xuất xứ** của hàng hóa.
- + Là chứng từ nộp cho Hải quan để **hưởng các chế độ ưu đãi khi tính thuế**.

Các mẫu (Form C/O) thường gặp:

A: Có C/O này hàng hóa xk sẽ được hưởng mức thuế ưu đãi GSP của nước NK;

B: cấp cho hàng hóa xuất xứ tại Việt Nam xuất khẩu sang các nước khác trên thế giới trong các trường hợp: + *Nước nhập khẩu không có chế độ ưu đãi GSP HOẶC Nước nhập khẩu có chế độ GSP nhưng không cho Việt Nam hưởng*

D: từ một nước thành viên của ASEAN sang một nước thành viên ASEAN khác.

T: Là loại C/O theo quy định của Hiệp định Dệt May giữa Việt Nam và EU.

AK, AJ, ICO...

7

➤ **Certificate of quantity/Weight/Quality:**

Là ch.từ xác nhận SL, trọng lượng, CL của HH thực giao. Giúp người mua có thể kiểm tra SL, trọng lượng, CLHH của người bán đã thực giao cho mình thể hiện trên chứng từ.

➤ **Phytosanitary Certificate:**

Là ch.từ do cơ quan bảo vệ TV có thẩm quyền cấp cho chủ hàng, xác nhận hàng hóa là TV hoặc có nguồn gốc TV (ngũ cốc, rau, trái, bao đay ...) đã được kiểm tra và xử lý chống các bệnh dịch, sâu bọ có hại cho người, động vật và cây trồng.

8

➤ **Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật (Veterinary Certificate):**

Là ch.từ do cơ quan kiểm dịch động vật cấp cho chủ hàng, xác nhận HH là động vật (gia súc gia cầm) đã được kiểm tra và xử lý chống các bệnh dịch có hại cho người và động vật.

➤ **Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật (Animal products sanitary inspection certificate):**

Là ch.từ do cơ quan kiểm dịch động vật cấp cho chủ hàng, xác nhận HH là các sản phẩm động vật (trứng, thịt, lông, da...) hoặc bao bì của chúng đã kiểm tra và xử lý chống các bệnh dịch có hại cho người và ĐV.

9

➤ **Giấy chứng nhận khử trùng (Fumigation Certificate):**

Là ch.từ xác nhận các HH nông sản (gạo, bắp, đậu phộng ...) đã được tiêu diệt sâu bọ nhằm bảo quản HH khi vận chuyển, làm thủ tục HQ.

➤ **Phiếu đóng gói (Packing List):**

Là ch.từ liệt kê tất cả các HH đựng trong một kiện hàng/một HD, được lập khi đóng gói HH.

10

VD: PAYMENT DOCUMENTS:

- **3/3 clean on board B/L market “freight prepaid”, original.**
- **Commercial invoice**
- **Packing list**
- **Certificate of original Issued by Indonesia’ chamber of commerce.**
- **Sucofindo’ s certificate of quantity and quality.**

Pham Ngoc Duong, PhD

VÍ DỤ:**Payment:**

Party B will pay Party A’s Account at Shinhan Bank, HCMC Branch 10-01-121049 by TT within 7 days from the date of shipment before receiving shipping document.

Pham Ngoc Duong, PhD

Chuyển tiền: By TT, 15 days after shipment, through Vietcombank HCM city branch.

Nhờ thu D/A, 60 after sight B/E

Payment documents:

- Signed commercial invoice in 3 copies.
- Clean on board ocean B/L original.
- Certificate of quantity, quality issued by SGS.
- Certificate of origin form A issued by the Chamber of Commerce and Industry of Vietnam.
- Packing list in 3 Copies.

Pham Ngoc Duong, PhD

Nhờ thu CAD: (CAD at EXIMBANK Vietnam HCMC branch).

Payment document:

- Commercial invoice in triplicate.
- 3/3 clean on board B/L original.
- Certificate of weight, quality issued by S.G.S (1 original, 1 copy)
- Certificate of origin issued by the Chamber of Commerce and industry of Vietnam. (1 Original, 1 copy).
- Certificate of fumigation issued by the Fumigation Company (1 original, 1 copy)

Pham Ngoc Duong, PhD

Documents required:

- 3/3 set of Original Clean on board B/L marked "Freight Collect".
- Original Signed Commercial Invoice (03)
- Original Detail Packing List (03)
- Original Certificate of Origin form E issued in The People Republic of China.
- Certificate of quality issued by the manufacturer.
- One set of original documents to be faxed to the applicant within 05 working days from the date of shipment.

Pham Ngoc Duong, PhD

: 46A: DOCUMENTS REQUIRED

IN TRIPLICATE IN ENGLISH (UNLESS OTHERWISE STATED):

1. SIGNED COMMERCIAL INVOICE IN 02 ORIGINALS
2. (2/3) SET OF ORIGINAL CLEAN SHIPPED ON BOARD OCEAN BILL OF LADING MADE OUT TO ORDER OF JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM SOGIAODICH 2 BRANCH, STATING 'FREIGHT TO COLLECT' AND NOTIFY THE ABOVENAMED APPLICANT.
3. SIGNED PACKING LIST IN 02 ORIGINALS
4. QUALITY CERTIFICATE ISSUED BY THE MANUFACTURER OR THE BENEFICIARY IN 03 ORIGINALS
5. CERTIFICATE OF ORIGIN FORM D ISSUED IN MALAYSIA IN 01 TRIPLICATE AND 01 COPY.
6. BENEFICIARY'S CERTIFICATE CERTIFYING THAT ONE SET OF ORIGINAL SHIPPING DOCUMENTS (INCLUDING 1/3 SET OF ORIGINAL BILL OF LADING, COMMERCIAL INVOICE, PACKING LIST AND CERT OF ORIGIN FORM D) HAS BEEN SENT TO THE APPLICANT WITHIN 07 WORKING DAYS AFTER SHIPMENT BY AN INTERNATIONAL EXPRESS COURIER (COURIER'S RECEIPT TO PROVE THIS ACTION IS REQUIRED TO BE PRESENTED FOR NEGOTIATION/PAYMENT)

Pham Ngoc Duong, PhD

:47A:ADDITIONAL CONDITIONS

1. ALL BANKING CHARGES OTHER THAN ISSUING BANK'S CHARGES INCLUDING ADVISING, REIMBURSEMENT CHARGES, CONFIRMATION COMMISSION (IF ANY) AND RELATED HANDLING FEE AND FOR BENEFICIARY'S ACCOUNT. THE ADVISING BANK, CONFIRMING BANK (IF ANY) IS REQUIRED TO COLLECT ALL THESE CHARGES **BEFORE RELEASING**, ADDING CONFIRMATION TO THIS CREDIT.
 2. OUR **DISCREPANCY FEE BEING USD60.00** AND RELATED HANDLING FEE ARE FOR BENEFICIARY'S ACCOUNT AND WILL BE **DEDUCTED** FROM THE PROCEEDS.
 3. INSTRUCTION FOR NEGOTIATING BANK: ON PRESENTATION OF DOCS UNDER THIS L/C, THE NEGOTIATING BANK'S PRESENTATION SCHEDULE MUST INDICATE THE NUMBER AND DATE OF ANY AMENDMENTS THAT HAVE BEEN REJECTED UNDER THEIR NEGOTIATION.
 4. AN EXTRA SEPARATED COPY OF DOCUMENTS REQUIRED FOR OUR FILE. OTHERWISE, **A FEE OF USD10.00** OR EQUIVALENT WILL BE DEDUCTED FROM THE PROCEEDS UNDER THIS L/C.
 5. OUR POST EXPIRATION CHARGE BEING USD20.00 OR EQUIVALENT FOR EACH SET OF DOCUMENTS PRESENTED AFTER 15 DAYS FROM L/C EXPIRY DATE ARE FOR BENEFICIARY'S ACCOUNT AND WILL BE DEDUCTED FROM THE PROCEEDS.
 6. TELEGRAPHIC TRANSFER REIMBURSEMENT NOT ALLOWED..
 7. COMBINE SHIPMENT WITH FREE OF CHARGE GOODS UNDER FIELD 45A ARE ACCEPTABLE
 8. CERT OF ORIGIN NOT INDICATED F.O.C IN INVOICE IS ACCEPTABLE
 9. ALL NEGOTIATING DOCS REACH OUR COUNTER LATER THAN 15H:30 (OUR LOCAL TIME) WILL BE **DEEMED TO BE** RECEIVED BY US ON THE NEXT WORKING DAY
- :71B:CHARGES**
SEE FIELD 47A

Pham Ngoc Duong, PhD

:48:PERIOD OF PRESENTATION

WITHIN 10 DAYS AFTER SHIPMENT DATE
BUT WITHIN THE VALIDITY OF THE
CREDIT

:49:CONFIRMATION INSTRUCTIONS

WITHOUT

:78:INSTR. TO PAYING/ACCEPTING/NEG. BANK

- + THE AMOUNT AND DATE OF EACH DRAWING MUST BE ENDORSED ON THE REVERSE OF THE OPERATIVE INSTRUMENT.
- + ALL DOCUMENTS MUST BE COURIERED IN ONE LOT TO JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM, SOGIAODICH 2 BRANCH (ADD: 4-6 VO VAN KIET STR., DIST.1, HOCHIMINH CITY, VIETNAM) BY INTERNATIONAL EXPRESS COURIER.
- + UPON OUR RECEIPT OF DOCUMENTS DRAWN UNDER AND ARE IN STRICT COMPLIANCE WITH THE TERMS AND CONDITIONS OF THIS LC, WE WILL REMIT THE PROCEEDS IN ACCORDANCE TO NEGOTIATING BANK'S INSTRUCTIONS. KINDLY INDICATE SWIFT ADDRESS, IF ANY.

----- **MESSAGE TRAILER** -----
END OF MESSAGE

II. CÁC CHỨNG TỪ CHỦ YẾU TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ (9)

- (1) Hóa đơn thương mại (*Commercial Invoice*).
- (2) Vận đơn:
 - Đường biển (*Bill of Lading*)
 - Hàng không
 - Vận tải đường sắt
 - Vận tải đa phương thức
- (3) Chứng thư bảo hiểm (*Insurance Policy/ Insurance Certificate*)
- (4) Giấy chứng nhận xuất xứ (*Certificate of Origin – C/O*)
- (5) Phiếu đóng gói (*Packing list*)

- (6) Giấy chứng nhận chất lượng (*Certificate of Quality*)
- (7) Giấy chứng nhận số lượng/ trọng lượng
(*Certificate of Quantity/ weight*)
- (8) Giấy chứng nhận khử trùng
(*Certificate of Fumigation*)
- (9) Giấy chứng nhận vệ sinh
(*Sanitary certificate*)
- (10) Các chứng từ khác (*Other documents*)

(Lưu ý: Các Ngân hàng sẽ không chấp nhận các chứng từ xuất trình cho NH sau 21 kể từ ngày lập vận đơn)

(1) HÓA ĐƠN TM (COMMERCIAL INVOICE).

Hóa đơn thương mại là chứng từ cơ bản trong bộ chứng từ hàng hóa, là yêu cầu của người bán đòi người mua phải trả số tiền hàng ghi trên hóa đơn. Trong hóa đơn phải nêu được: người lập hóa đơn (thường là người bán, người thụ hưởng,...), người mua, hàng hóa và đặc điểm của hàng hóa, số lượng/trọng lượng hàng, đơn giá, tổng giá trị hàng hóa, điều kiện cơ sở giao hàng, phương thức thanh toán, phương tiện vận tải...

COMMERCIAL INVOICE				
Shipper/exporter (Tên, địa chỉ XK, người gửi hàng)		Invoice number:		
Consignee (Tên, địa chỉ người nhận hàng)		Date:		
Notify (Tên, địa chỉ người được thông báo)		L/C number:		
Port of loading:	Port of discharge:		Date:	
Carrier: (tên PT vận chuyển)	Sailing on or board: (ngày tàu đi)		L/C issuing bank	
No Carton	Discription of goods	Quantity	Unit Prce	Amount
Total				

Các loại HĐTМ

- **Provisional Invoice** (HĐT tạm tính): giá hàng mới tạm tính, dùng trong giao hàng nhiều lần
- **Final Invoice**
- **Detailed Invoice**
- **Neutral Invoice** (HĐT truy cập): được sử dụng khi người mua có yêu cầu và được NH chấp nhận để người mua sau có thể sử dụng chính hóa đơn này để bán hàng cho người khác
- **Proforma Invoice** (HĐT chiếu lệ) Không có giá trị thanh toán, thường được lập trước khi bán hàng (để làm đơn chào hàng, Khai giá trị đem đi hội chợ, chứng từ để xin giấy phép XNK)

Lưu ý:

- Mục Shipper/exporter, Consignee, Notify: Thể hiện đầy đủ những yêu cầu như L/C quy định và phải phù hợp với B/L.
- Nội dung liên quan đến vận chuyển, giao hàng như tên tàu, cảng đi, cảng đến phải phù hợp với yêu cầu của L/C và phù hợp với B/L
- Trên HĐ phải thể hiện ĐKCS giao hàng.
- Nếu L/C yêu cầu những ghi chú bổ sung vào HĐ thì trên HĐ các chứng từ khác phải thể hiện đầy đủ;
- HĐTМ phải có chữ ký của người bán (nếu L/C yêu cầu)
- Tên người bán là tên người thụ hưởng. Khi bán qua trung gian thì tên người bán có thể là một người khác không phải là người hưởng lợi L/C trong trường hợp này L/C phải ghi rõ: “Commercial Invoice issued by third party is acceptable”.

Bất hợp lệ thường gặp trong TT bằng L/c

- Mô tả HH trong C/I khác với phần mô tả HH trong L/c
(tên hàng, số lượng, trọng lượng tịnh, đơn giá, điều kiện cơ sở giao hàng, quy cách phẩm chất, ký mã hiệu hàng hóa, tổng giá trị HH bằng số, bằng chữ)
- Người lập C/I khác với người được quy định trong L/C
Thông thường người lập C/I là người thụ hưởng
→ nếu không ghi rõ trong HD thì người lập là người thụ hưởng; trường hợp XK ủy thác, và 2 bên đồng ý, thì trong L/C phải ghi rõ “Commercial Invoice issued by third party is acceptable)
- Người thụ hưởng không ký tên trong C/I mặc dù L/c có quy định
- Đơn giá và ĐK giao hàng không giống L/C quy định
- Đơn vị tiền tệ trong C/I không giống L/C quy định
- Shipping mark, trọng lượng, bao bì...không đồng nhất với các chứng từ khác
- Những phụ phí khác không quy định trong L/C nhưng lại tính trong C/I
- Tẩy xóa, sửa chữa

Khắc phục những sai sót

17- Số tiền L/C là 100.000 đô la Mỹ. Một hoá đơn ghi số tiền 105.000 đô la Mỹ được xuất trình, nếu giao hàng một lần ,

17.1- Ngân hàng chỉ định có thể chấp nhận hoá đơn đó và chỉ trả 100.000 đô la Mỹ.

17.2- Ngân hàng chỉ định có thể từ chối hoá đơn đó vì đã vượt quá số tiền L/C.

17.3- Ngân hàng chỉ định có thể chấp nhận hoá đơn đó với điều kiện số hàng trị giá 5.000 đô la Mỹ cũng đã được gửi.

18- Nếu L/C yêu cầu xuất trình “ Commercial Invoice ” , ngân hàng có thể từ chối :

18.1- Invoice ,

18.2- Consular Invoice ,

18.3- Tax invoice .

18.4- Proforma invoice

19- Từ “khoảng” dùng để chỉ số lượng được hiểu là cho phép một dung sai $\pm 10\%$.

19.1- Số lượng.

19.2- Số lượng và số tiền.

20- Khi nào dung sai $\pm 5\%$ được áp dụng?.

20.1- Khi số lượng được thể hiện bằng kilôgam hoặc mét.

20.2- Khi số lượng được thể hiện bằng đơn vị chiếc.

(2) Vận đơn đường biển BL

- Vận đơn đường biển là chứng từ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển do người chuyên chở (*chủ tàu, thuyền trưởng, đại lý...*) cấp cho người gửi hàng nhằm xác nhận việc hàng hóa đã được tiếp nhận để vận chuyển.
 - Là biên lai của người chuyên chở xác nhận là họ đã nhận hàng để chở
 - Bằng chứng của việc thực hiện các điều khoản của một hợp đồng vận tải
 - Chứng từ sở hữu hàng hóa → có thể dùng để mua bán HH (bằng B/L), cầm cố và chuyển nhượng.

9/17/2015

NHỮNG LƯU Ý ĐỐI VỚI B/L VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN (B/L - BILL OF LADING).

- Ở mặt trước của B/L có ghi rõ tên người gửi, người nhận (*hoặc "theo lệnh"...*), tên tàu, cảng bốc hàng, cảng dỡ hàng, tên hàng, ký mã hiệu, số lượng kiện, trọng lượng, giá cả, tổng trị giá, cách trả cước (*cước trả trước hay trả tại cảng đến*), tình hình xếp hàng, số bản gốc đã lập, ngày tháng cấp vận đơn...
- Mặt sau (**cỡ chữ 0,3 mm**) ghi các điều kiện chuyên chở.

Lưu ý: Người ký phát hành Vận đơn?

- ❖ Theo UCP 600, Đối với vận đơn đường biển và giấy gửi hàng bằng đường biển, **người ký chứng từ** có thể là người chuyên chở (As carrier) hay đại lý hoặc người thay mặt người chuyên chở (As agent or For the Carrier); thuyền trưởng hay đại lý hoặc người thay mặt thuyền trưởng.
- ❖ **Người ký chứng từ**, khi ký phải thể hiện rõ tư cách pháp lý của mình. Riêng đối với đại lý, khi ký, ngoài việc thể hiện là đại lý, còn phải ghi rõ đại lý cho ai, nghĩa là phải ghi rõ tên của người mà mình là đại lý thay mặt.
- ❖ **Chữ ký trên chứng từ vận** tải đa phương thức có thể là chữ ký viết tay (chữ ký “sống”), chữ ký in sao (facimile), chữ ký đục lỗ (perforated), chữ ký đóng dấu (stamped) bằng ký hiệu tượng trưng hoặc bằng các máy móc phương tiện khác nếu như không trái với luật pháp của quốc gia mà chứng từ đó được phát hành.

Phân loại vận đơn:

- **Vận đơn hoàn hảo (Clean B/L)** là vận đơn không có thêm điều khoản hay ghi chú về tình trạng khiếm khuyết của hàng hóa hay bao bì (trông bề ngoài có vẻ là tốt và trong điều kiện tốt – In apparent good order and condition)
 - ✓ **Lưu ý:** *Nếu ghi chung chung) Second hand cases (ngoại trừ HĐ có ghi new case), weak cases hoặc weight, quality, measurement of goods is unknow...” vẫn được chấp nhận*
- **Vận đơn không hoàn hảo (Unclean B/L:)** là loại vận đơn trên đó người chuyên chở có ghi những ghi chú xấu về tình trạng của hàng hóa hay bao bì. Ví dụ: **“Broken cases, leaking cases, wet cases, empty barels/cases”**,...
 - ➔ NH không chấp nhận thanh toán
 - ✓ **Lưu ý:** *người chuyên chở vẫn có thể đồng ý ký “Clean” nếu Shipper viết cam kết (Letter of guarantee/Indemnity). Nhưng luật hàng hải coi đây là hình thức gian lận , dễ bị thủy thủ lợi dụng...*

Một L/C yêu cầu Người hưởng lợi xuất trình “ Clean on Board “ Bill of Lading . Ngân hàng phát hành kiểm tra chứng từ đã phát hiện ra rằng trên Bill of Lading xuất trình đã xoá chữ “ Clean “ , do đó ngân hàng phát hành cho rằng Bill of Lading này là “ Unclean “ , nên đã từ chối tiếp nhận chứng từ và trả lại người xuất trình . Hỏi ngân hàng làm như vậy là đúng hay sai , biết rằng L/C này có ghi là tham chiếu UCP 500 1993 ICC ?

- **Vận đơn đã xếp hàng (Shipped or Laden on board B/L)** là vận đơn được cấp sau khi hàng hóa đã xếp lên tàu, trên vận đơn có ghi rõ ngày tháng, năm giao hàng. → *Ngân hàng và người mua đều đòi hỏi người bán phải xuất trình vận đơn này*
- **Vận đơn nhận hàng để xếp (Received for shipment B/L)** là vận đơn được cấp trước khi hàng hóa được xếp lên tàu. Trên B/L không ghi rõ ngày, tháng, hàng được xếp xuống tàu.
Sau khi xếp hàng xuống tàu, người gửi hàng có thể đổi lấy vận đơn đã xếp hàng “Shipped on board B/L” từ hãng tàu hoặc yêu cầu hãng tàu đóng dấu “Shipped on board” lên vận đơn nhận hàng để chờ trước đó và ghi ngày tháng:
→ *Ngân hàng không chấp nhận thanh toán vận đơn “nhận hàng để chở” nếu trong hợp đồng mua bán 2 bên không có quy định gì về vận đơn này.*

(tt)


- **Vận đơn theo lệnh (B/L to order)** là B/L theo đó người chuyên chở sẽ giao hàng theo lệnh của người gửi hàng, ngân hàng hoặc người nhận hàng.
Nếu trên B/L không ghi rõ lệnh của ai (để trống mục consignee), thì theo tập quán quốc tế là theo lệnh của Shipper
- **Vận đơn đích danh (B/L to a named person) or (Straight B/L)** là B/L trong đó có ghi rõ tên và địa chỉ người nhận hàng. Người chuyên chở chỉ giao hàng cho người đó. → vận đơn này không thể chuyển nhượng

- **Vận đơn xuất trình (Bearer B/L)**

Còn có tên gọi là vận đơn vô danh, là vận đơn trong đó không ghi rõ tên người nhận hàng, cũng không ghi rõ theo lệnh của ai. Người chuyên chở sẽ giao hàng cho người cầm vận đơn và xuất trình cho họ.

- **Vận đơn giao nộp (Surrendered B/L):**

Đây là loại vận đơn thông thường, chỉ khác là khi ký phát vận đơn, người vận chuyển hoặc đại lý tàu đóng thêm dấu “đã nộp vận đơn” (**surrendered**) lên vận đơn và thu hồi vận đơn đồng thời thông báo cho đại lý tàu tại cảng đích biết để đại lý trả hàng cho người nhận mà không cần thu hồi vận đơn gốc. Việc thông báo này thường thể hiện qua hình thức một văn bản (điện báo, email, fax) gọi là “trả hàng ngay” (**Express Release**). Sau khi thu hồi vận đơn, nếu người giao hàng có yêu cầu, đại lý tàu sẽ cấp cho họ một bản chụp vận đơn có ghi dòng chữ “**surrendered**”. Người giao hàng chỉ cần gửi bản sao vận đơn này đến người nhận hàng là họ có thể nhận được hàng.

SHIPPER (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE)		BILL OF LADING NO.			
 山东省烟台国际海运公司 SHANDONG PROVINCE YANTAI INTERNATIONAL MARINE SHIPPING CO. VN EXPORT , HAOI, VIETNAM http://michaelhoan.googlepages.com/		SYVHKBKV7510586			
CONSIGNEE (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE)		Port-to-Port or Combine Transport			
KR IMPORT BUSAN KOREA		BILL OF LADING RECEIVED by the carrier as specified below in external apparent good order or otherwise unless otherwise stated. The total number of packages or units stuffed the container, the description of the goods and the weights shown in this Bill of Lading are furnished by the merchant, and which the carrier has no reasonable means of checking and is not a part of this Bill of Lading contract. The goods are to be transported on such place as agreed, authorized or permitted by the merchant and subject to all the terms and condition whether written, printed, stamped, printed or incorporated in the front and reverse side hereof. The Merchant agrees to be bound by accepting this Bill of Lading, and local privileges and custom notwithstanding as WITNESS whereof original Bill of Lading has been signed if not otherwise stated below. (When being accomplished the other(s), any to be void if required by the bill of lading use (1) original Bill of Lading must be surrendered duly endorsed or receipts for the goods or delivery order.			
NOTIFY PARTY (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE): (If it is agreed that no responsibilities shall be attached to the carrier or his agents for failure notify) SAME AS CONSIGNEE					
PRE-CARRIAGE BY*	PLACE OF RECEIPT*	COPY NON-NEGOTIABLE			
INTENDED VESSEL/VOYAGE STADT RATZEBURG V 0751N	PORT OF LOADING HAIPHONG, VIETNAM				
PORT OF DISCHARGE PUSAN KOREAN PORT	PLACE OF DELIVERY* PUSAN KOREAN PORT	No. of Original Bills of Lading THREE (03)			
PARTICULARS DECLARED BY SHIPPER BUT NOT ACKNOWLEDGED BY CARRIER					
CONTAINER NO. SEAL NO. MARKS & NUMBERS	QUANTITY (CUSTOMERS DECLARATION ONLY)	DESCRIPTION OF GOODS (SHIP TO CONTAINER)	GROSS WEIGHT (KGS)	MEASUREMENT (CUBIC METRES)	
AMPUBS11001/20001	232 CTNS	SHIPPER'S LOAD, COUNT & SEAL DIXADHC CONTAINER S. T. C. BAMBOO BASKETS ORIGIN: VIETNAM 232 CARTONS = 2,320 SETS NW = 5,568 KGS GW = 6,032 KGS	6,032.00	57.240	
SURRENDERED				CLEAN ON BOARD STADT RATZEBURG V 0751N 18TH DEC, 2007 CY/CY	
TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGE (IN WORDS): ONE CONTAINER ONLY					
*FREIGHT & CHARGES (IN WORDS):		RATE	LIMIT	PREPAID	COLLECT
FREIGHT PREPAID					
*EXCESS VALUE DECLARATION		PREPAID AT	PAYABLE AT		
			HAIPHONG		
*TEMPERATURE CONTROL INSTRUCTION		SIGNED BY / ON BEHALF OF THE CARRIER			
PLACE OF ISSUE HAIPHONG, VIETNAM		SHANDONG PROVINCE YANTAI INTERNATIONAL MARINE SHIPPING CO.			
DATE OF ISSUE 18TH DEC, 2007					
LADEN ON BOARD OF VESSEL DATE BY KIM B. STANARD (SIGN)		(Terms continued on the back hereof, please read carefully)			

- **Vận đơn đi thẳng (Direct B/L)**

cấp cho hàng hóa được chuyên chở bằng một con tàu đi từ cảng xếp hàng đến cảng đích, nghĩa là tàu chở đi thẳng từ cảng đến cảng.

- **Vận đơn suốt (Through B/L)**

là B/L dùng trong trường hợp chuyên chở hàng hóa giữa các cảng bằng hai hoặc nhiều tàu (cùng một phương thức chuyên chở) thuộc hai hay nhiều chủ khác nhau.

- Người vận tải đầu tiên “cấp vận đơn đi suốt” phải chịu trách nhiệm về hàng hóa trên chặng đường từ cảng xếp hàng đến cảng dỡ cuối cùng.
- Những người vận tải kế tiếp theo từng chặng cấp **Vận đơn địa hạt - Local B/L** loại B/L này chỉ có chức năng là biên lai nhận hàng hóa mà thôi.

- Vận đơn theo hợp đồng thuê tàu (Charter party B/L)**
 hay còn gọi là **Congen Bill** là loại vận đơn sau khi đã xếp hàng lên tàu xong theo yêu cầu của người gửi hàng thuyền trưởng (Master) thay mặt chủ tàu (Shipowner) cấp cho người gửi hàng bộ vận đơn theo hợp đồng thuê tàu chuyển (C/P). *Vận đơn này chỉ có 2 chức năng là: Biên lai nhận hàng để chở và là chứng từ sở hữu hàng hóa., không có “Bảng chứng của việc thực hiện các điều khoản của một hợp đồng vận tải”*

Code name: "CONGENBILL: EDITION 1994"		
Shipper xxxxxx xxxxxx xxxxxx	<div style="border: 2px dashed black; padding: 10px;"> <p align="center">BILL OF LADING</p> <p align="center">1 TO BE USED WITH CHARTER-PARTIES</p> <p align="center">B/L NO..... Reference No.....</p> </div>	
Consignee: xxxxxx xxxxxx xxxxxx		
Notify address: xxxxxx xxxxxx xxxxxx		
Vessel		Port of loading
Port of discharge		

- Vận đơn hỗn hợp (Combined B/L)**

1 MULTIMODAL/COMBINED TRANSPORT DOCUMENT	
Shipper	Bill of Lading No.
Consignee	ABC CONTAINER ABC CONTAINER INTERNATIONAL CO.,LTD. Received in apparent good order condition except as otherwise noted the total number of Containers or other packages or units enumerated below by the Merchant to comprise the Goods specified below for transportation from the Place of receipt or the Port of Loading, whichever is applicable, to the Place of Delivery or the Port of Discharge, whichever is applicable, subjected to the terms hereof, (including the terms of the reverse hereof and the terms of the Carrier's applicable Tariff). In accepting this bill of lading the Merchant expressly accepts and agrees to all its items, conditions and exceptions, whether printed, stamped or written, or otherwise incorporated, notwithstanding the non-signing of this bill of lading by the Merchant. One of the signed Bills of Lading must be surrendered duly endorsed in exchange for the Goods or delivery order. On presentation of this document (duly endorsed) to the Carrier by or on behalf of the Holder, the rights and prejudice to any
Notify Party/Address	
Pre-carriage by	Place of Receipt

Là chứng từ dùng trong nghiệp vụ chuyên chở bằng hai hay nhiều phương tiện vận tải khác nhau (Multimodel transport). Loại vận đơn này được dùng phổ biến trong chuyên chở containers, Pallets

Ghi chú:

- | | |
|--|-------------------------------|
| 1 - Tiêu đề | 6 - Mô tả hàng hóa |
| 2 - Người gửi hàng | 7 - Cước phí |
| 3 - Người nhận hàng | 8 - Số bản gốc phát hành |
| 4 - Bên thông báo (Tên và địa chỉ) | 9 - Ngày và nơi phát hành |
| 5 - Nơi nhận hàng; cảng bốc hàng; cảng dỡ hàng; nơi giao hàng; nơi đến | 10 - Ghi chú bốc hàng lên tàu |
| | 11 - Ký chứng từ |

- **Vận đơn chủ (Master Bill):**

Do người chuyên chở chính thức (effective carrier) phát hành

- **Vận đơn nhà (vận đơn thứ cấp) (House Bill lading)**

Do người chuyên chở không chính thức (người giao nhận - contracting carrier) phát hàng trên cơ sở vận đơn chủ

<i>1. Người phát hành</i>	
Effective Carrier	Contracting carrier
<i>2. Nội dung pháp lý</i>	
Điều chỉnh quan hệ giữa Carrier và Consignee, thường dẫn chiếu nguồn luật quốc tế như Hague Visby, Hamburg 78.	Không có công ước quốc tế nào điều chỉnh. Chủ yếu dựa vào sự hướng dẫn của Uctiad /ICC.
<i>3. Quyền và nghĩa vụ của CARRIER</i>	
Liên quan đến bốc dỡ vận chuyển và giao hàng phát sinh từ hợp đồng thuê tàu.	Ngoài ra, còn chứa đựng thêm các chế định khác về vận chuyển đường bộ, đường sắt... Do vậy, không gian pháp lý rộng hơn.
<i>4. Địa điểm giao hàng</i>	
- Loading port - Discharging port	- Place of receipt - Place of delivery
<i>5. Cách giao nhận ghi trên B/L</i>	
Shipped on board hoặc Laden on board.	Taken in charge for transport/ or Received for shipment
<i>6. Chủ thể ghi trên B/L</i>	
- Shipper (gắn liền với vận tải biển) - Consignee: + Hoặc đích danh (Straight) + Hoặc theo lệnh (To order)	- Consignor - Consignee: luôn ghi là "consigned to order of..."
<i>7. Quyền sở hữu</i>	
Luôn có chức năng thứ ba này	Tuỳ thuộc sự thoả thuận khi phát hành

8. giới hạn trách nhiệm

-Theo Visby 79 rules: 666,67 SDR/u hoặc 2 SDR/kg tùy theo cách tính nào cao hơn.	một kg cà phê bị mất hay bị tổn thất nếu chở bằng đường bộ (1SDR = 1,4 USD).
-Theo Hamburg-78: 835SDR/u hay 2,5SDR/kg cà phê tùy theo cách tính nào cao hơn.	
-Theo Geneva – 1980: 920 SDR/u hoặc 2,75SDR/kg tùy theo cách tính nào cao hơn.	

Người vận tải biển không chịu trách nhiệm về việc hàng giao chậm.

- Người giao nhận lại có thể phải bồi thường gấp đôi số tiền cước cho thiệt hại do việc giao hàng chậm.

9. Thời hạn trách nhiệm

1 – 2 năm (kể từ ngày hàng đã được giao cho người nhận)	6 – 9 tháng (kể từ ngày hàng đã được giao cho người nhận).
---	--

10. Thời điểm phát hành B/L

<p>Ngay sau khi hàng đã được bốc lên tàu. (Ghi rõ ngày hàng giao hàng và chỉ có một chữ ký và một dấu.)</p>	<p>Qua hai giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi nhận hàng để vận chuyển (một chữ ký và một dấu) - Sau khi hàng được bốc lên tàu, ghi rõ ngày tháng và địa điểm giao hàng và có thêm một chữ ký và một dấu nữa.
---	---

Những nội dung cần lưu ý khi lập và kiểm tra B/L).

- **Có tên tàu** chở hàng không?
- **Tên nơi bốc hàng, nơi dỡ hàng** có ghi không, có phù hợp với yêu cầu của tín dụng không? L/C có cho phép chuyển tải không? Vận đơn có nêu giao hàng ngoài những cảng đã qui định không?
- **Vận đơn có ghi ngày phát hành** không? So sánh với hạn giao hàng, ngày hàng lên tàu phải trùng hoặc trước ngày giao hàng trễ nhất do L/C qui định.

(tt)

- **Người lập vận đơn** phải là:
 - Người chuyên chở.
 - Đại lý được người chuyên chở chỉ định (As agent of the carrier).
 - Thuyền trưởng.
 - Đại diện được thuyền trưởng chỉ định.

- **Vận đơn có ghi rõ “Shipped on board”/“On board” không? Trừ khi L/C cho phép, B/L ghi “On deck” sẽ không được ngân hàng chấp nhận.**

(tt)

- **Vận đơn có ghi rõ số lượng bản chính** được phát hành không?
 - **Vận đơn có hoàn hảo** không? Trừ khi L/C cho phép ngân hàng sẽ không chấp nhận những vận đơn không hoàn hảo
 - **Vận đơn có nêu lên số L/C** không?
 - **Tên, địa chỉ của người gửi hàng (Shipper):** thường là người hưởng lợi L/C, có đúng qui định của L/C không? Nếu là một tên khác thì phải xem trên L/C có qui định “Third party documents are acceptable” không? Tên người gửi hàng này có thống nhất với các chứng từ khác không?

(tt)

- **Tên, địa chỉ người nhận hàng (Consignee):** Có đúng qui định của L/C không? Cần lưu ý rằng đây là phần sai sót nhiều nhất trong vận đơn vì là phần qui định rất khác nhau trong L/C. Có 3 trường hợp:
- Nếu trong L/C qui định **“Full set of original of clean on board ocean B/L showing L/C No made out to order of shipper and blank endorsed...”** thì người gửi hàng ký hậu để trống (chỉ ký tên, mà không ghi tên người được hưởng lợi tiếp theo), trong phần “Consignee” chỉ ghi “to order” – ai cầm vận đơn này đều có thể đi nhận hàng.

- Nếu trong L/C qui định **“... made out to order of issuing bank...”** thì phần “consignee” phải ghi **“to order of” + tên, địa chỉ ngân hàng phát hành**. Trong trường hợp này, người nhập khẩu chỉ có thể đi nhận hàng khi có chữ ký hậu của ngân hàng phát hành. Trường hợp này xảy ra khi người nhập khẩu không ký quỹ đủ.
- Nếu trong L/C qui định **“...made out to order of applicant...”** thì ở phần “consignee” là **“to order of” + tên, địa chỉ của người xin mở L/C**. Trường hợp này xảy ra khi khách hàng ký quỹ đủ

(tt)

- **Tên, địa chỉ người cần thông báo (notify party):** thường là người mua và phải đúng qui định của L/C.
- **Tên hàng hóa, số lượng, trọng lượng...** có khớp với hóa đơn không? Shipping mark có đúng L/C yêu cầu không? Số hiệu, số container (nếu có) có giống như được thể hiện trên Packing list không?
- **Các ghi chú về cước phí** có đúng (Freight prepaid / Freight collect) so với qui định của L/C không?


Những bất hợp lệ thường gặp:

(1) Tên và địa chỉ người gửi, người nhận, thông báo không khớp với các quy định trong L/C.

- **Mục “Shipper”** (người giao hàng):
 - + Phải là tên người bán trong HĐ hay trong L/C và không được viết tắt;
 - + Nếu L/C quy định là đứng tên người trung lập (Neutral name) thì tên người giao hàng không phải là tên người bán.
- **Mục “Consignee”** (người nhận hàng)
 - + Phải ghi theo yêu cầu của L/C)
- **Mục notify Party:**
 - Phải là tên người mua, tên này phải đúng như trong L/C yêu cầu, không được viết tắt, nếu người được thông báo là người khác thì trong LC phải được ghi rõ

Yêu cầu trong L/C	Cách ghi trên B/L
1. To order and endorsed blank	+ To order + Người bán lật mặt sau B/L ký tên, đóng dấu
2. To order of bank	+ To order of bank + Người bán không cần ký hậu B/L
3. To order of the shipper and endorsed in blank	+ To order of the shipper + Người bán (người giao hàng) lật mặt sau ký tên, đóng dấu
4. To order of the bank and endorsed in blank	+ To order of the bank + Người bán không cần ký hậu
5. To order and endorsed tobank	+ To order + Người bán lật mặt sau ký tên, đóng dấu và ghi thêm dòng chữ "Delivery to the order of bank".

2. Cảng bốc hàng và cảng dỡ hàng không khớp với quy định trong L/C
3. Xuất trình cho Ngân hàng sau 21 ngày, hoặc sau khi L/c hết hiệu lực
4. Vận đơn theo HĐ thuê tàu (Charter Party B/L), nếu LC cho phép thì loại này mới được chấp nhận.
5. B/L ghi hàng chất trên boong (on deck cargo) thay vì on board
6. Xuất trình vận đơn Unclean BL
7. Ghi những nội dung trên BL không đúng với quy định của L/C
8. Ký hậu chuyển nhượng không đúng



Những rủi ro trong lập B/L

9/17/2015 51

9/17/2015 52

(3) Giấy chứng nhận bảo hiểm

Chứng từ bảo hiểm là chứng từ do người/tổ chức bảo hiểm cấp cho người được bảo hiểm, nhằm hợp thức hóa hợp đồng bảo hiểm và được dùng để điều tiết quan hệ giữa tổ chức bảo hiểm và người được bảo hiểm. Trong mối quan hệ này, tổ chức bảo hiểm nhận bồi thường cho những tổn thất xảy ra vì những rủi ro mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, còn người được bảo hiểm phải nộp cho người bảo hiểm một số tiền nhất định là phí bảo hiểm.

53

- Chứng từ bảo hiểm thường được dùng là đơn bảo hiểm và giấy chứng nhận bảo hiểm:

- **Đơn bảo hiểm (Insurance policy)**

Là một dạng contract (hợp đồng, thỏa thuận) giữa nhà bảo hiểm với người được bảo hiểm trên đó thể hiện các **nguyên tắc, điều kiện bảo hiểm, thời hiệu, mức phí, khấu trừ**, v.v đã được thỏa thuận giữa 2 bên.

I/P có chức năng negotiable - chuyển nhượng được, và hầu như mọi thỏa thuận bảo hiểm đều thể hiện ở dưới dạng I/P.

9/17/2015

54

- **Giấy chứng nhận bảo hiểm (Insurance of certificate)** Là chứng từ do người bảo hiểm cấp cho người được bảo hiểm để xác nhận **hàng hóa bảo hiểm** theo điều kiện hợp đồng. Trên một Cofl thường chỉ thể hiện một số nội dung cốt lõi của thoả thuận bảo hiểm, thí dụ: **thời hiệu, hình thức, giá trị BH ...**

I/C là các bản ký khống tham chiếu theo số hợp đồng bảo hiểm mở của insurer dành cho insured trong trường hợp insured nắm giữ một hợp đồng bảo hiểm mở duy nhất mà lại phải gửi cho nhiều người nhận khác và cho nhiều chuyến hàng trong một khoảng thời gian,

➔ Cả I/P và I/C đều có giá trị trong việc đòi bồi thường và xử lý tranh chấp tại cấp tòa án.

Trong trường hợp L/C yêu cầu I/P, thì I/C không có giá trị; mặt khác nếu LC chỉ yêu đề trình I/C, thì I/P có thể thay thế I/C trong bộ chứng từ.

9/17/2015

55

Cover note:

Giấy báo nhận BH/phiếu xác nhận bảo hiểm tạm thời là giấy do nhà bảo hiểm/môi giới BH cấp, đảm bảo sẽ bảo hiểm cho đối tượng nào đó, hoặc xác nhận việc bảo hiểm chính thức có hiệu lực,

Điều kiện BH tại thời điểm thoả thuận vẫn chưa được các bên thống nhất, hoặc đã thống nhất sơ bộ nhưng cần có thời gian để lập Insurance policy. Khi khách hàng đề nghị bảo hiểm và đề nghị bảo hiểm này được chấp nhận thì Công ty bảo hiểm sẽ lập và gửi phiếu xác nhận bảo hiểm tạm thời để làm bằng chứng. Sau đó sẽ phát hành một hợp đồng bảo hiểm chính thức.

Cover note thường có giá trị làm vật thay thế tạm thời trong khoảng thời gian từ khi bắt đầu hiệu lực bảo hiểm đến lúc cấp đơn IP chính thức (Khoảng thời gian này thường có giá trị tối đa là 1 tháng, thoả thuận bảo hiểm này được phát hành chỉ cho hàng nhập khẩu vì các thông tin như tên và số hiệu tàu, ngày khởi hành có chậm hơn do B/L gốc chỉ có sau ngày tàu xuất bến).

9/17/2015

56

Ngân hàng sẽ từ chối thanh toán khi:

- Chứng từ BH có ngày phát hành trễ hơn ngày bốc hàng lên tàu, hoặc ngày gửi hàng đi, hoặc ngày nhận hàng để gửi;
- Loại tiền ghi trong bảo hiểm khác loại tiền ghi trong L/C
- Các chứng từ bảo hiểm do các nhà môi giới BH cấp
- Các chứng từ BH chưa được người mua bảo hiểm đích danh ký hậu
- Mức mua BH phải đúng như quy định trong L/C

9/17/2015

57

12- Một L/C yêu cầu xuất trình một chứng từ bảo hiểm. Chứng từ nào trong số các chứng từ sau không được chấp nhận?

- 12.1- Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 12.2- Giấy bảo hiểm tạm thời.
- 12.3- Bảo hiểm đơn.

13- Một L/C giao hàng điều kiện CIF và yêu cầu một giấy chứng nhận bảo hiểm. Trong số các loại sau, giấy chứng nhận nào được chấp nhận?

- 13.1- Bảo hiểm đúng 100% .
- 13.2- Bảo hiểm 113% CIF
- 13.3- Bảo hiểm 110% CIF , nếu L/C không quy định số tiền bảo hiểm tối thiểu .
- 13.4- Bảo hiểm 110% số tiền bảo hiểm tối thiểu quy định trong L/C , nếu L/C quy

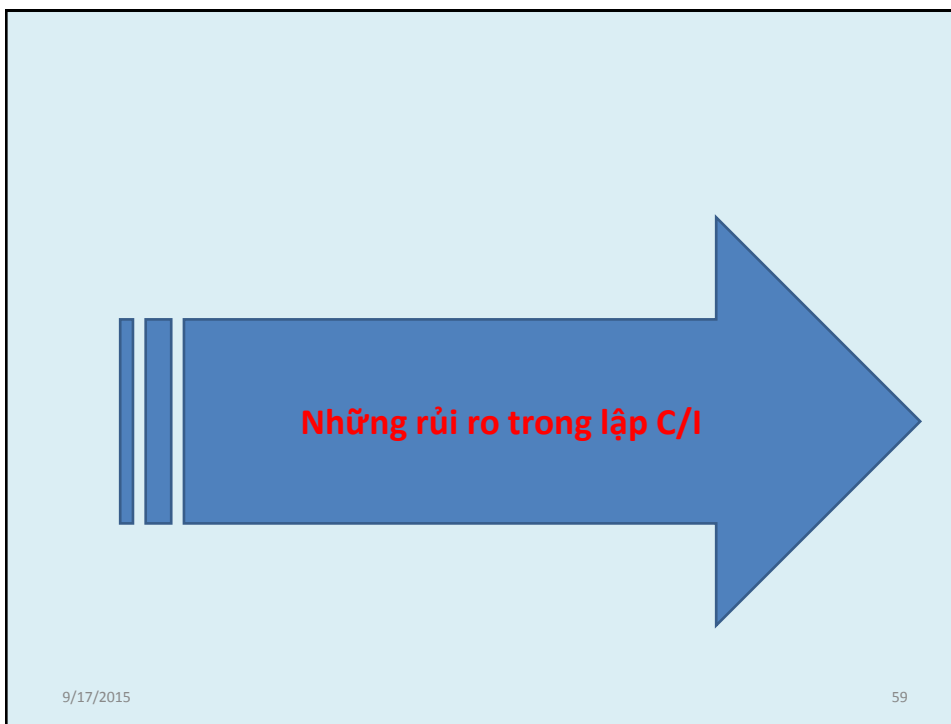
định

14- Một chứng từ bảo hiểm ghi ngày muộn hơn ngày ký phát B/L vẫn được chấp nhận là.

- 14.1- Đúng.
- 14.2- Sai.

15- Với loại “bảo hiểm mọi rủi ro” tất cả các rủi ro có thể xảy ra đều được bảo hiểm.

- 15.1- Đúng.
- 15.2- Sai.



(4) GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ (CERTIFICATE OF ORIGIN).

- Giấy chứng nhận xuất xứ là chứng từ do nhà sản xuất hoặc do cơ quan có thẩm quyền, thường là Phòng Thương mại/ Bộ Thương mại cấp để xác nhận nơi sản xuất hoặc khai thác ra hàng hóa.
- Nội dung của C/O bao gồm: tên và địa chỉ của người mua, tên và địa chỉ của người bán; tên hàng; số lượng; ký mã hiệu; lời khai của chủ hàng về nơi sản xuất hoặc khai thác hàng; xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Một số loại C/O:

Form A: dùng cho các mặt hàng XK sang các nước thuộc hệ thống GSP (Generalized system of preferences);

Form B: Dùng cho tất cả mặt hàng XK đi các nước;

Form O: Dùng cho mặt hàng XK sang các nước thuộc ICO

Form ICO: dùng cho mặt hàng cà phê trồng và thu hoạch tại XK sang các theo quy định của ICO

Form D: Dùng cho HH của VN xuất khẩu sang các nước thuộc ASEAN

Những bất hợp lệ:

(i) Người chứng thực C/O khác với quy định trong L/C, nếu L/C quy định:

- ✓ “**Certificate of origin Vietnam issued by the Commerce of Vietnam**” thì VCCI cấp chứng thực.
- ✓ “**Certificate of origin, country or origin, Vietnam**” thì người SX hoặc người thụ hưởng L/C có thể đứng ra tự lập và tự chứng thực vào đó.

(ii) Loại C/O không đáp ứng được đòi hỏi của L/C

(iii) Ghi tên người gửi hàng, người nhận hàng, tên phương tiện vận tải, cảng xếp hàng, dỡ hàng.... Không giống như quy định trong L/C

(5) PHIẾU ĐÓNG GÓI (PACKING LIST).

Là chứng từ hàng hóa liệt kê tất cả những mặt hàng, loại hàng được đóng gói trong từng kiện hàng (thùng hàng, container...) và toàn bộ lô hàng được giao. Phiếu đóng gói do người sản xuất/ xuất khẩu lập ra khi đóng gói hàng hóa. Phiếu thường được lập thành 3 bản.

- + Một bản bỏ trong kiện hàng cho người nhận.
- + Một bản để cùng với phiếu đóng gói khác để tạo nên bộ đầy đủ.
- + Một bản cùng với các chứng từ khác để lập bộ chứng từ trình cho ngân hàng.

Nội dung Phiếu đóng gói:

- Tên người Bán;
- Tên người Mua;
- Số hiệu của hóa đơn;
- Số thứ tự của kiện hàng;
- Cách thức đóng gói;
- Loại hàng, số lượng hàng đóng trong từng kiện hàng, trọng lượng tịnh, trọng lượng cả bì,...

Những nội dung cần lưu ý khi lập và kiểm tra phiếu đóng gói:

- Có ghi đầy đủ tất cả các đặc điểm mô tả hàng hóa như L/C quy định (về bao bì, ký mã hiệu, chủng loại, quy cách,...) không?
- Có phải do người Bán lập không? Có được người Bán ký không?
- Các chi tiết về tên người mua, số hóa đơn, số L/C (nếu thanh toán bằng L/C), tên phương tiện vận tải, lộ trình vận tải,.. có phù hợp với B/L, Invoice, C/O,... không?
- Những bất hợp lệ thường gặp là:

Tổng số lượng hàng hóa được liệt kê chi tiết trong P/L không bằng số lượng hàng hóa ghi trong C/I

**(6) GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG/SỐ LƯỢNG/ TRỌNG LƯỢNG
(CERTIFICATE OF QUALITY/QUANTITY/ WEIGHT).**

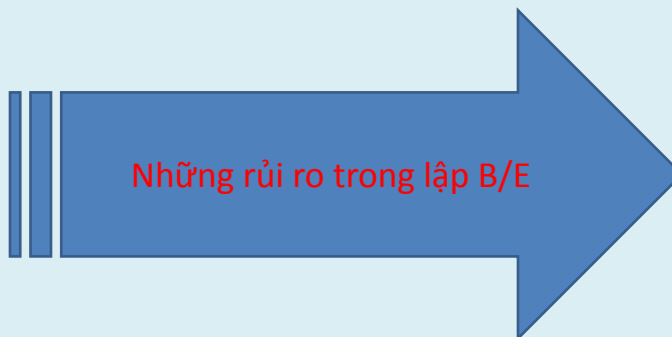
Là chứng từ xác nhận chất lượng/số lượng/ trọng lượng của hàng hóa thực giao. Giấy chứng nhận chất lượng/số lượng/ trọng lượng cũng có thể do người cung cấp hoặc tổ chức giám định hàng hóa cấp, tùy theo sự thỏa thuận trong hợp đồng.

Những nội dung cần lưu ý khi kiểm tra giấy chứng nhận số lượng/ chất lượng:

- Cơ quan cấp giấy chứng nhận số lượng, chất lượng có phải là nơi được chỉ định trong L/C? (Có thể giấy chứng nhận số lượng, chất lượng riêng, có thể chứng nhận chung, có thể do chính người bán/ người sản xuất cấp cũng có thể do một cơ quan kiểm nghiệm/giám định cấp tùy theo yêu cầu của L/C).
- Các yếu tố về người giao hàng, người mua, các phụ chú (số L/C, số Invoice,...) có đúng với L/C và các chứng từ khác không?
- Các chứng nhận ghi rõ ràng loại hàng đã được kiểm đủ, tốt, phù hợp với tiêu chuẩn kiểm nghiệm của nơi cấp chứng nhận. Xác nhận đúng về qui cách đặt hàng.
- Xác nhận đủ số lượng, ghi chú về trọng lượng tịnh, trọng lượng cả bì.
- Giấy chứng nhận có được ký không?

(7) Hối phiếu

- Những bất hợp lệ thường gặp



9/17/2015

67

KHI THANH TOÁN L/C CẦN LƯU Ý NHỮNG VẤN ĐỀ SAU

Tất cả các chứng từ phải được tuân thủ đúng yêu cầu của L/C (nếu trong L/C có lỗi chính tả nào đó về hàng hóa mà không nghiêm trọng thì không cần tu chỉnh L/C nhưng khi lập chứng từ phải ghi sai như trong L/C):

- Giá trị B/E đòi tiền không được lớn hơn hạn ngạch L/C (kể cả dung sai cho phép)
- Nếu L/c quy định việc TT được tiến hành khi trình đủ chứng từ kèm theo....thì không cần lập B/E (trừ khi NH yêu cầu)
- Nếu B/L là Blank endorsed thì người gửi hàng phải ký hậu vào vận đơn trước khi chuyển cho NH
- Nếu HH gửi lên tàu vượt quá số lượng quy định trong L/C thì nhà XK tham khảo ý kiến của nhà NK trước khi gửi, trên cơ sở chấp nhận của người mua mới giao hàng. Sau đó lập chứng từ Thanh toán cần 2 bộ (01 bộ đúng theo yêu cầu của L/C và 01 bộ đề nghị thanh toán bằng D/A, D/P hoặc TT.

9/17/2015

68